

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/LĐ-PT  
Ngày: 08/02/2022  
V/v “Tranh chấp về quyền và lợi  
ích liên quan đến tiền lương khi  
chấm dứt hợp đồng lao động”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Quách Tố Giang.

*Các Thẩm phán:* ông Hoàng Ngọc Linh;  
ông Nguyễn Hoàng Thám.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** bà Lương Thúy Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 02/2021/TLPT-LĐ ngày 24/5/2021 về việc “Tranh chấp về quyền và lợi ích liên quan đến tiền lương khi chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 02/2021/LĐ-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2021/QĐ-PT ngày 23/6/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 14/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-PT ngày 07/01/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông A, sinh năm 1966; địa chỉ cũ: ấp T2, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; nơi cư trú hiện nay: số 4B8 đường số 9, khóm H, phường Đ, thành phố X, tỉnh An Giang (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ B; địa chỉ: số 54/1A, khóm T, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: bà C – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông D, sinh năm 1987; nơi cư trú: số 20/10A, khóm Đ, phường T, thành phố X, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt) và ông G, sinh năm 1960; nơi cư trú: số 701 đường số 4, khu dân cư

T, khóm T 8, phường H, thành phố X, tỉnh An Giang, theo văn bản ủy quyền ngày 24/12/2018 (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông H, sinh năm 1968; nơi cư trú: ấp V, xã B, huyện T, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

2. Ông Đ, sinh năm 1982; nơi cư trú: số 111/73/2A khóm M, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

Người kháng cáo: nguyên đơn ông A và bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung án sơ thẩm:

*Theo Đơn khởi kiện ngày 23/8/2018 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/10/2019; quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông A trình bày:*

Sau khi tìm hiểu nhau về tình cảm, ngày 21/6/2012, ông với bà C quyết định sống chung với nhau như vợ chồng. Do lúc bấy giờ bà C đang là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ B (Công ty B) nên đã đại diện cho Công ty thỏa thuận miệng thuê ông làm việc với mức lương mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Từ khi bắt đầu làm việc đến ngày 21/12/2014, ông với bà C tiến hành xác lập và ký kết với nhau Hợp đồng lao động bằng văn bản không số với nội dung: Hợp đồng không xác định thời hạn, khi nào thanh lý hợp đồng thì hợp đồng mặc nhiên sẽ không còn hiệu lực pháp luật; lương mỗi tháng mà ông thực nhận là 5.000.000 đồng.

Đầu năm 2015, do nhu cầu phát triển Công ty nên bà C tiếp tục đại diện Công ty ký Quyết định số 01/QĐ/TH ngày 12/02/2015 bổ nhiệm ông giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty B để thay mặt bà C điều hành các hoạt động của Công ty khi có yêu cầu.

Trong suốt thời gian từ khi ông bắt đầu làm việc, do ông với bà C vẫn chung sống với nhau như vợ chồng và do tin lời hứa miệng của bà C yêu cầu ông làm việc tốt sẽ hỗ trợ cho con riêng của ông số tiền là 400.000.000 đồng nên ông đã chưa nhận bất kỳ khoản tiền lương nào từ Công ty.

Cuối năm 2016, ông phát hiện trong Báo cáo nhân sự của Công ty B về việc báo cáo thuế cho Chi cục thuế có thể hiện họ tên và mức lương thực lĩnh của ông nên có thắc mắc thì được bà C đại diện Công ty ký xác nhận vào Đơn xin xác nhận công tác có thời hạn ngày 03/11/2016 của ông, mặc dù không ghi cụ thể thời hạn bao lâu nhưng có thể hiện lương thực lĩnh mỗi tháng của ông số tiền là 9.700.000 đồng kể từ ngày 12/02/2015 (tức ngày ông được bổ nhiệm Phó Giám đốc). Tuy vậy, Công ty B vẫn tiếp tục không chi trả lương cho ông, từ đó ông có yêu cầu bà C cho ông được ngưng chức vụ Phó giám đốc Công ty B đồng thời yêu cầu chi trả đầy đủ tiền lương cho ông.

Ngày 30/3/2017, chấp nhận yêu cầu nêu trên của ông, bà C ký Quyết định số 05/QĐ/2016 về việc miễn nhiệm Phó Giám đốc Công ty B đối với ông, gửi đính kèm Biên bản xác nhận tiền lương và đối chiếu công nợ cá nhân, liệt kê tiền lương và công nợ của ông tính đến ngày 30/3/2017 thể hiện ông còn nợ Công ty B số tiền 33.330.000 đồng. Nhận thấy trong quá trình làm việc, ông chỉ nhận 03 khoản tiền từ công ty B, cụ thể: Ngày 21/02/2014 tạm ứng số tiền 20.000.000 đồng; ngày 13/3/2014 mượn số tiền 30.000.000 đồng và ngày 25/5/2015 tạm ứng số tiền 20.000.000 đồng; tổng cộng 70.000.000 đồng. Vì vậy, ông cho rằng số tiền mà bà C thể hiện trong Biên bản xác nhận tiền lương và đối chiếu công nợ ngày 30/03/2017 là không đúng thực tế nên ông đã không đồng ý ký tên.

Ngày 10/4/2017, ông tự lập Biên bản xác nhận tiền lương và đối chiếu công nợ cá nhân của mình gửi Công ty B, thể hiện số tiền lương ông chưa nhận tính từ ngày 21/06/2012 đến ngày 30/03/2017 mà Công ty B còn nợ ông tổng cộng là 396.934.000 đồng, sau khi khấu trừ số tiền 70.000.000 đồng ông đã tạm ứng và mượn nêu trên, Công ty B phải thanh toán cho ông là 326.934.000 đồng. Tuy nhiên, đã không được bà C đại diện Công ty B thống nhất nên ngày 23/8/2018, ông có đơn khởi kiện cho đến nay.

Tại phiên tòa, ông vẫn tiếp tục giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty B phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông tổng số tiền lương chưa là 326.934.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định tính từ ngày 21/6/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông D trình bày:* Do có quan hệ tình cảm với ông A nên giữa năm 2012, bà C có đồng ý để ông A tới lui phụ giúp bà C một số công việc trong Công ty B. Trong quá trình phụ giúp, bà C giao gởi ông A làm nấy. Ngày 21/12/2014, bà C có đại diện cho Công ty B quyết định chính thức ký Hợp đồng lao động không xác định thời hạn với ông A, công việc vẫn là giao gởi làm nấy chứ không quy định cụ thể; mức lương thực lãnh của ông A mỗi tháng là 5.000.000 đồng và ông A được tạm ứng trước 04 tháng tiền lương là 20.000.000 đồng.

Đầu năm 2015, do nhu cầu phát triển Công ty nên bà C tiếp tục đại diện Công ty B ký Quyết định số 01/QĐ/TH ngày 12/02/2015 bổ nhiệm ông A giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty B.

Công ty B thừa nhận trong quá trình ông A làm việc đã không chi trả lương cho ông A theo hàng tháng; nguyên nhân do ông A thiếu nợ ông H số tiền là 50.000.000 đồng và ông Đ số tiền là 50.000.000 đồng. Vì vậy, căn cứ vào thời gian và tiến độ ông A làm việc; ngày 22/5/2015, bà C có đưa cho bà E là kế toán của Công ty B số tiền là 50.000.000 đồng để chuyển khoản trả cho ông H thay ông A; sau đó, tháng 11/2016, Công ty B tiếp tục trả nợ cho ông Đạt thay ông A số tiền 50.000.000 đồng. Bên cạnh đó, quá trình làm việc ông A còn mượn thêm của Công ty số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 13/03/2014 và tạm ứng số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 25/5/2015.

Như vậy, kể từ khi Công ty B chính thức ký hợp đồng lao động với ông A thì các khoản tiền mà ông A đã tạm ứng là 70.000.000 đồng, cộng chung với số tiền 100.000.000 đồng mà 02 lần Công ty trả nợ thay cho ông A là 170.000.000 đồng. Trừ vào số tiền lương mà Công ty chưa trả cho ông A là 136.670.000 đồng nên ông A còn nợ lại Công ty B số tiền là 33.330.000 đồng. Do đó, tại phiên tòa, ông D đại diện hợp pháp của Công ty B có ý kiến là không đồng ý thanh toán lương theo yêu cầu khởi kiện của ông A. Riêng số tiền 33.330.000 đồng mà ông A còn nợ như trình bày trên thì Công ty B cũng không có yêu cầu phản tố. Đối với những người mà bà C đại diện cho Công ty xuất tiền ra để trả nợ thay cho ông A là ông H và ông Đ, thì Công ty B cũng không yêu cầu ông A phải hoàn trả.

*Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/10/2020 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H trình bày:* Ông xác định là ông không liên quan đến vụ án. Ông hoàn toàn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không trình bày ý kiến gì thêm, cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác. Vì vậy, ông kính mong Tòa án chấp nhận sự vắng mặt của ông và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án nhân dân các cấp. Ông xin cam kết sẽ không có bất kỳ khiếu nại nào về việc vắng mặt này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đ đã được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình và không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai, không tham dự phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do.

*Tại Bản án lao động sơ thẩm số 02/2021/LĐ-ST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố X đã quyết định:*

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông A về việc buộc bị đơn là Công ty TNHH B phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông A số tiền lương là 227.690.666 đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A về việc buộc công ty B phải có nghĩa vụ thanh toán lãi phát sinh cho ông A đối với số tiền 326.934.000 đồng từ ngày 21/6/2012 đến ngày 18/01/2021.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A. Buộc Công ty B phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lương cho ông A tổng cộng là 99.243.337 đồng (*Chín mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, nguyên đơn ông A kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, Công ty B kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông A yêu cầu Công ty B trả tiền lương theo Biên bản xác nhận tiền lương và đối chiếu công nợ cá nhân do ông

lập với tổng số tiền là 326.934.000 đồng, tính tiền Bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có đơn xin vắng mặt và trình bày ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:*

- Về tính hợp pháp của kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 273, Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử. Về thời hạn xét xử phúc thẩm có chậm hơn do nguyên nhân khách quan là tình hình dịch bệnh Covid-19. Các đương sự, người tham gia tố tụng khác cũng đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án và không trình bày ý kiến, nhưng Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật tố tụng.

- Quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết đối với Bản án sơ thẩm có kháng cáo:

Về nội dung kháng cáo yêu cầu Công ty B trả tiền lương là 396.934.000 đồng: giữ ông A và Công ty B thống nhất thời gian chấm dứt hợp đồng lao động là 30/3/2017, nhưng không thống nhất thời gian bắt đầu hợp đồng lao động. Ông A cho rằng bắt đầu hợp đồng lao động vào 21/6/2012. Công ty B cho rằng bắt đầu hợp đồng lao động vào 21/12/2014.

Giai đoạn sơ thẩm, ông A không cung cấp tài liệu chứng minh bắt đầu làm việc cho Công ty B từ 21/6/2012. Tại giai đoạn phúc thẩm, ông A cung cấp 02 Giấy giới thiệu của Công ty B và danh sách nhân viên Dịch vụ cầm đồ C. Nhận thấy: Giấy giới thiệu đến Công ty cổ phần VO.VA Phú Quốc ngày 17/4/2012 là trước ngày ông A cho rằng bắt đầu làm việc tại Công ty B; Danh sách nhân viên Dịch vụ cầm đồ C, không liên quan Công ty B. Do quan hệ tình cảm giữa ông A và bà C nên các tài liệu này cũng không đủ căn cứ để xác định ông A bắt đầu hợp đồng lao động với Công ty B từ ngày 21/6/2012.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng lao động giữa ông A và Công ty B từ 21/12/2014 đến 30/3/2017 là có cơ sở.

Căn cứ Hợp đồng lao động lập ngày 21/12/2014 đến ngày 31/8/2016 là 20 tháng 10 ngày với mức lương 5 triệu đồng/tháng; Giấy xác nhận lương 9,7 triệu/tháng từ 01/9/2016 đến 30/3/2017 là 06 tháng 29 ngày; căn cứ vào thừa nhận của ông A đã tạm ứng 70 triệu đồng. Từ đó, cấp sơ thẩm đã tuyên buộc Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho ông A 99.243.337 đồng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

Về yêu cầu trả lãi từ 21/6/2012 đến ngày xét xử: trong quá trình làm việc, Công ty B không trả lương hàng tháng, ông A cũng không yêu cầu Công ty B trả lương do bà C có hứa hẹn cho tiền cất nhà cho con riêng của ông. Do vậy, yêu cầu tính lãi của ông A không có cơ sở chấp nhận.

Về yêu cầu bảo hiểm xã hội: đây là quyền lợi của người lao động nhưng ở giai đoạn sơ thẩm, ông A không có yêu cầu nên không có cơ sở xem xét. Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ kiện khác.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố X.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Tòa án nhân dân thành phố X xét xử ngày 12/01/2021 và tuyên án vào ngày 18/01/2021, đại diện theo ủy quyền của Công ty B là ông D có mặt khi xét xử nhưng vắng mặt khi tuyên án. Ngày 27/01/2021, ông A kháng cáo. Ngày 02/3/2021, Tòa án nhân dân thành phố X thực hiện tổng đạt và niêm yết bản án. Ngày 05/3/2021, Công ty B kháng cáo. Ngày 22/3/2021, Tòa án nhân dân thành phố X thông báo nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Ngày 29/3/2021, Công ty B nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đương sự thực hiện quyền kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời hạn luật định, nên Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng rút kinh nghiệm Tòa án nhân dân thành phố X về việc phải xác định lý do chính đáng của việc vắng mặt khi tuyên án và thời hạn tổng đạt bản án sơ thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của Công ty B có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử.

#### **[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo:**

##### **[2.1] Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện:**

Ngày 21/12/2014, giữa Công ty B và ông A ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, với mức lương thỏa thuận là 5.000.000 đồng/tháng tính từ ngày ký hợp đồng, Công ty B cho ông A tạm ứng 04 tháng lương là 20.000.000 đồng.

Ngày 12/02/2015, Công ty B bổ nhiệm ông A là Phó Giám đốc.

Ngày 03/11/2016, Công ty B có Giấy xác nhận lương 03 tháng gần nhất của ông A là 9.700.000 đồng từ tháng 9/2016.

Ngày 30/3/2017, Công ty B quyết định miễn nhiệm Phó Giám đốc đối với ông A.

Trong quá trình làm việc, ông A thừa nhận có tạm ứng số tiền 70.000.000 đồng (gồm 20.000.000 đồng tạm ứng khi ký hợp đồng ngày 21/12/2014 và 20.000.000 đồng tạm ứng ngày 25/5/2015, 30.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 13/3/2014)

[2.2] Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng lao động ngày 21/12/2014 giữa Công ty B và ông A được xác lập trên cơ sở thỏa thuận, tự nguyện, mục đích và nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình làm việc, do Công ty B không trả lương đầy đủ nên ông A yêu cầu chấm dứt hợp đồng lao động. Việc chấm dứt hợp đồng lao động được các bên thừa nhận là vào ngày 30/3/2017. Vì vậy, Công ty B phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lương chưa trả cho ông A trong quá trình làm việc.

[2.3] Công ty B cho rằng trong quá trình làm việc, ông A có ứng trước 170.000.000 đồng (gồm 70.000.000 đồng tạm ứng và 100.000.000 đồng do Công ty B trả nợ thay ông A cho ông H và Đ). Tiền lương của ông A từ 21/12/2014 đến 30/3/2017 là 136.670.000 đồng. Như vậy, ông A còn phải thanh toán lại cho Công ty là 33.330.000 đồng.

Ông A thừa nhận có tạm ứng 70.000.000 đồng, không thừa nhận số tiền nợ 100.000.000 đồng. Công ty B không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông A có mượn tiền của ông H và Đ. Phiếu chuyển ngày 22/5/2015 chỉ thể hiện người chuyển tiền là E, người thụ hưởng là H. Quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm, Công ty B không yêu cầu phản tố đối với số tiền 33.330.000 đồng, không yêu cầu ông A trả số tiền 100.000.000 đồng mà Công ty cho rằng trả nợ thay ông A, ông H xác định không liên quan vụ án và ông Đạt cũng không có ý kiến nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà E tham gia tố tụng và không xem xét yêu cầu này là có căn cứ.

[2.4] Ông A cho rằng bắt đầu làm việc tại Công ty B từ 21/6/2012, hợp đồng miệng, nhưng không được Công ty B thừa nhận. Từ khi khởi kiện cho đến ngày 18/01/2021, ông A không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Sau khi kháng cáo, ông A cung cấp 02 Giấy giới thiệu của Công ty B và Danh sách người làm Dịch vụ cầm đồ C. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A trình bày lý do không cung cấp tại giai đoạn sơ thẩm là do hồ sơ thất lạc.

Qua xem xét tài liệu, chứng cứ cung cấp bổ sung tại giai đoạn phúc thẩm và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy 02 Giấy giới thiệu và Danh sách người làm Dịch vụ cầm đồ C chưa đủ cơ sở để xác định ông A bắt đầu hợp đồng lao động tại Công ty B từ ngày 21/6/2012

Về tiền lương sau khi bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty B: ông A cho rằng từ ngày 12/02/2015 được hưởng mức lương là 9.700.000 đồng, nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh, Công ty B không thừa nhận. Giấy xác nhận lương ngày 03/11/2016 chỉ xác nhận mức thu nhập 03 tháng gần nhất do công ty chi trả là 9.700.000 đồng từ tháng 9/2016.

[2.5] Từ những phân tích trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp đồng lao động giữa Công ty B và ông A bắt đầu từ ngày 21/12/2014 và chấm

dứt từ ngày 30/3/2017; mức lương thỏa thuận từ 21/12/2014 đến ngày 31/8/2016 là 5.000.000 đồng/tháng, từ ngày 01/9/2016 đến ngày 30/3/2017 là 9.700.000 đồng/tháng; là có căn cứ. Theo đó, tiền lương của ông A được tính như sau:

Từ ngày 21/12/2014 đến ngày 31/8/2016, áp dụng mức lương 5.000.000 đồng/tháng x 20 tháng 10 ngày = 101.666.670 đồng.

Từ ngày 01/9/2016 đến ngày 30/3/2017, áp dụng mức lương 9.700.000 đồng/tháng x 6 tháng 29 ngày = 67.576.667 đồng.

Tổng cộng: 169.243.337 đồng

Ông A thừa nhận tạm ứng 70.000.000 đồng, nên Công ty B còn phải thanh toán cho ông A số tiền lương là 99.243.337 đồng.

[2.6] Công ty B và ông A kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới đủ cơ sở xem xét, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, cần giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố X như đề nghị của Viện kiểm sát.

[3] Về tranh chấp bảo hiểm xã hội: tại đơn khởi kiện, đơn xác định yêu cầu khởi kiện, phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ, ông A không yêu cầu về bảo hiểm xã hội, các đương sự khác cũng không tranh chấp về bảo hiểm xã hội nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ. Nếu ông A và các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Về án phí phúc thẩm: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ông A không phải chịu án phí phúc thẩm. Công ty B phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông A.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ B.

Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 02/2021/LĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố X.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông A về việc buộc bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ B phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông A số tiền lương là 227.690.666 đồng.



- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A về việc buộc công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ B phải có nghĩa vụ thanh toán lãi phát sinh cho ông A đối với số tiền 326.934.000 đồng từ ngày 21/6/2012 đến ngày 18/01/2021.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ B phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lương cho ông A tổng cộng là 99.243.337 đồng (*Chín mươi chín triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ B phải chịu án phí lao động sự thẩm với số tiền là 2.977.000 đồng (*Hai triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*). Ông A được miễn án phí.

- Về án phí phúc thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại và Dịch vụ B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí lao động phúc thẩm, được khấu trừ với số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002104 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X. Công ty B đã nộp xong. Ông A được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND Tp. X;
- Chi cục THADS Tp. X;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Kinh tế;
- Văn phòng;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Quách Tố Giang**